TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1234/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 899/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà **Võ Bích T**, sinh năm: 1993;

CCCD số 079193025952 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021;

Địa chỉ: 4 Khu phố B, phường T (Khu phố C, phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông **Nguyễn Hoàng M**, sinh năm: 1990;

CCCD số 079090024027 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/8/2021;

Địa chỉ: C Khu phố D (Khu phố C, phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Võ Bích T và ông Nguyễn Hoàng M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 43/2014, quyển số: 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/3/2014). Nay bà T – ông M yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Bà Võ Bích T và ông Nguyễn Hoàng M có với nhau 02 (hai) người con Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 21/12/2014 và Nguyễn Thành T1, sinh ngày: 08/8/2016. Bà T – ông M thỏa thuận: Giao 02 (hai) người con tên N, T1 cho bà Võ Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T – ông M thỏa thuận: Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Bà Võ Bích T và ông Nguyễn Hoàng M không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản.

Bà Võ Bích T và ông Nguyễn Hoàng M thỏa thuận: Bà T tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Bích T và ông Nguyễn Hoàng M thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn số: 43/2014, quyển số: 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/3/2014 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 02 (hai) người con Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 21/12/2014 và Nguyễn Thành T1, sinh ngày: 08/8/2016. Giao 02 (hai) người con tên N, T1 cho bà Võ Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng M cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Võ Bích T và ông Nguyễn Hoàng M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Võ Bích T và ông Nguyễn Hoàng M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Võ Bích T tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà T được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0029296 ngày 22/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Bích T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 - Tp.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 7 - Tp.HCM;
- UBND phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Tp.HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Yến Ngọc